

Thủ thuật giảng dạy cho sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu phát âm tốt hai âm tiếng Anh /θ/ và /ð/

Nguyễn Thị Sang*

*ThS. Khoa Khoa học- Xã hội, Trường Đại học Bạc Liêu

Received: 29/11/2024; Accepted: 5/12/2024; Published: 12/12/2024

Abstract: Good pronunciation plays a crucial role in learning English effectively, which makes communication successful and helps English learners to have more confidence and better cultural integration with the native speakers. Nevertheless, the majority of the students at Bac Lieu University are restricted in their speaking skill, the main reason of which is the students' pronunciation capacity. This article mentions some difficulties affecting students' pronunciation, specially pronouncing /θ/ and /ð/. Accordingly, it indicates some teaching techniques to contribute to improving students' pronunciation of /θ/ and /ð/.

Keywords: Techniques, pronunciation, dental fricatives /θ/ and /ð/

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập, hợp tác và phát triển toàn cầu hiện nay, việc giao tiếp thông thạo bằng tiếng Anh ngày càng trở nên cấp thiết và đây cũng là thách thức rất lớn với đa số người học tiếng Anh. Điều này xuất phát từ những yếu tố khách quan như hệ thống ngữ pháp phức tạp, vốn từ vựng đa dạng, ... trong đó ngữ âm cũng đóng vai trò quyết định đến năng lực ngoại ngữ. Phát âm tiếng Anh tốt sẽ giúp người học giao tiếp hiệu quả, tự tin hơn và hoà nhập văn hoá tốt hơn với người bản ngữ. Tuy nhiên, hệ thống âm thanh trong tiếng Anh khác với hệ thống âm thanh của tiếng mẹ đẻ là một trong những rào cản rất lớn trong việc học ngoại ngữ. Dù học tiếng Anh từ trung học cơ sở, nhưng đa số người học tiếng Anh nói chung và sinh viên (SV) Trường Đại học Bạc Liêu nói riêng vẫn còn trở ngại trong việc phát âm tiếng Anh chuẩn và đúng, đặc biệt những âm không tồn tại trong tiếng mẹ đẻ, cụ thể là cặp âm xát răng /θ/ và /ð/. Để giúp SV phát âm tốt hơn cặp âm xát răng /θ/ và /ð/, từ đó cải thiện kỹ năng nghe nói, bài viết này đề cập đến một số vấn đề SV thường gặp trong quá trình học tập và đưa ra một số thủ thuật giảng dạy để giúp SV phát âm tốt hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

TA có hai loại âm chính như phụ âm và nguyên âm và số lượng phụ âm và nguyên âm không giống nhau [3]. Phụ âm là âm được tạo ra khi có sự cản luồng hơi một phần hay hoàn toàn khi luồng hơi đi từ phổi qua đường dẫn thanh. Phụ âm TA được phân loại dựa trên 3 đặc điểm sau: Vị trí cấu âm, phương thức cấu âm và âm hữu thanh. Những đặc điểm này

giúp chúng ta miêu tả và phân biệt các âm với nhau. Dựa theo vị trí cấu âm, âm TA được chia thành bảy nhóm như: Môi, môi răng, răng, lợi, ngạc lợi, ngạc và vòm [1]. Phụ âm xát TA được tạo ra khi không khí thoát ra một lối nhỏ và tạo ra âm xì. Âm xát có thể được tạo ra liên tục không gián đoạn miễn sao có đủ không khí trong phổi. Âm xát bao gồm /f/, /v/, /θ/, /ð/, /s/, /z/, /θ/ và /ð/ và chia thành bốn nhóm như âm môi răng /f/, /v/, âm xát răng /θ/, /ð/, âm xát lợi /s/, /z/ và âm sau lợi /ʃ/ và /ʒ/ [2]. Về phương thức cấu âm của /θ/ và /ð/, luồng hơi từ phổi đi qua khoang miệng. Luồng hơi của cặp âm này đi qua có sự cản trở của các bộ phận phát âm khác nhau. Về vị trí cấu âm, âm xát răng đôi khi được miêu tả như thể lưỡi được đặt giữa hai hàm răng. Tuy nhiên trên thực tế, lưỡi thường được đặt phía sau răng, với đầu lưỡi chạm vào bên trong răng hàm dưới phía trước và sống lưỡi chạm vào bên trong răng hàm trên và để cho luồng hơi đi qua các khe nằm giữa lưỡi và răng, để tạo sự ma sát nhẹ. Ngoài ra, /θ/ là âm vô thanh trong khi /ð/ là âm hữu thanh. Đối với âm vô thanh, hai dây thanh âm tách ra xa nhau và luồng hơi đi qua bị cản trở. Ngược lại, khi tạo ra âm hữu thanh, hai dây thanh âm sát lại gần nhau và rung [4].

2.2. Sự ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ

Tiếng mẹ đẻ ảnh hưởng đến người học ngoại ngữ theo ba hướng. Một là khi người học gặp khó khăn khi gặp âm TA không giống với âm trong tiếng mẹ đẻ như /f/, /θ/, /ð/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, và /dʒ/. Cụ thể ở âm /θ/, SV Trường ĐHB� thường có khuynh hướng thay /θ/ vào bằng âm /th/ hay /đ/ cho âm /ð/ trong TA. Phần lớn SV đọc *thigh*, *they*, *that* là *thai*, *đây*, và *đát* trong tiếng Việt. Trong một số trường hợp, SV không

đề ý khi âm hữu thanh hay vô thanh khi phát âm /θ/ giống như âm / ð/. Khó khăn thứ hai là quy tắc kết hợp từ giữa tiếng Việt và TA không giống nhau. TA là ngôn ngữ đa âm tiết trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết. Tiếng Việt là ngôn ngữ thanh điệu, có nghĩa là thay đổi độ cao sẽ tạo nghĩa khác nhau. Ví dụ như từ *đa* (multi-) có thể trở thành *đá* (kitch), khi dùng với thanh điệu lên, hay trở thành từ *đà* (*impetus*) khi dùng với thanh điệu xuống. *Ba là*, khác với TA, tiếng Việt không có nhóm phụ âm và âm cuối trong khi tiếng Việt ít khi được đọc như trong TA. Vài phụ âm cùng đi chung với nhau để tạo thành nhóm phụ âm như θr- trong *three, threshold, through*, -θs trong *months, births*, -lθ trong *twelfth*, -lθs trong *fifths*, -ŋθ trong *strength* -ðd trong *bathed*, -ðz trong *clothes*...

2.3. Những khó khăn khi phát âm

Trong quá trình giảng dạy, tác giả nhận thấy phần lớn SV thường có những khó khăn trong phát âm vì một số lý do sau: SV thường quên phát âm /θ/ và /ð/ ở vị trí cuối từ như: *health, with*, ... vì ảnh hưởng hay can thiệp của tiếng Việt vào quá trình học: Âm /θ/ và /ð/ không có trong tiếng mẹ đẻ. Ví dụ, SV hay đọc bỏ đi âm /θ/ trong từ *fifths, sixths*, và âm /ð/ trong chữ *with, bathe, breathe*, ... Hai là, phần lớn SV phát âm /θ/ và /ð/ sai vì chưa biết cách hình thành /θ/ và /ð/. Đặc biệt đối với SV không chuyên, họ chỉ nghe giáo viên (GV) giải thích nhanh cách phát âm các âm TA và sau đó bắt chước GV. SV không thể đặt đúng vị trí các cơ quan phát âm khi tạo âm khác nhau. Ba là SV có khuynh hướng đọc âm /θ/ là *th* và /ð/ là *đ* như trong tiếng Việt. Lý do là SV thiếu luyện tập phát âm thường xuyên. SV thường cảm thấy lúng túng và không thoải mái khi đặt đầu lưỡi và sống lưỡi vào vị trí phù hợp. Do đó, SV thường phát âm /θ/ và /ð/ chưa chính xác. Nhìn chung, phát âm đúng hai âm /θ/ và /ð/ là thách thức đối với người học TA.

2.4. Thủ thuật giảng dạy ngữ âm /θ/ và /ð/

Đây là một số thủ thuật giảng dạy và luyện tập âm xát răng /θ/ và /ð/ giải quyết những khó khăn thường gặp trong quá trình dạy học:

GV chỉ ra sự ảnh hưởng của tiếng Việt đến việc học phát âm TA, cụ thể là hai âm /θ/ và /ð/. GV cần chỉ ra sự khác nhau khi phát âm /th/, và /đ/ trong tiếng Việt với âm /θ/ và /ð/ trong TA. Ngoài ra, GV cần nhắc nhở người học phát âm /θ/ và /ð/ ở vị trí cuối từ bởi vì tiếng Việt không đọc phụ âm cuối.

Phân biệt âm vô thanh /θ/ với âm hữu thanh /ð/ cũng là một cách hiệu quả khi giảng dạy phát âm. Khi phát âm hữu thanh /ð/, GV yêu cầu SV rời vào

phần cổ họng của họ và cảm nhận độ run của dây thanh âm. Ngược lại, khi phát âm âm vô thanh, như âm /θ/, hai dây thanh quản tách ra tại thanh môn và không có độ rung khi luồng hơi đi qua thanh môn.

Khi luyện tập, GV yêu cầu SV luyện tập phát âm từng âm /θ/ và /ð/ riêng biệt. Trong phát âm, người học phải biết đặt đầu lưỡi phía sau răng, đầu lưỡi chạm vào bên trong răng hàm dưới phía trước và sống lưỡi chạm vào bên trong răng hàm trên và để cho luồng hơi đi qua các khe nằm giữa lưỡi và răng, để tạo sự ma sát nhẹ. Tuy nhiên, phần lớn SV thường ngại khi phát âm âm này. Vì thế, SV cần luyện tập phát âm mỗi âm riêng biệt một cách chính xác. Sau đó luyện tập từ vựng và cụm từ có âm /θ/ và /ð/ như: /θ/ trong *thank, theory, anything, author, birthday, bath, deaths*,... và /ð/ trong *they, though, leather, with, bathe*, cụm từ *Martha and Dorothy, nothing better than their health*.... Luyện tập theo cặp được cũng là một cách hiệu quả khi SV ngại mặt đối mặt. Một SV đọc một từ, SV còn lại nhìn khẩu hình miệng mà đoán âm nào được sử dụng. Sử dụng những cặp từ sai biệt cực tiểu để SV so sánh và nhận ra sự khác biệt giữa các âm /f/ với /θ/, /t/ với /θ/, /d/ với /ð/, /θ/ với /ð/, như: *free- three; fin- thin; tanks, thanks, fort - forth; day- they; dare- there; seed - seethe; ether - either; loath - loathe, teeth - teethe, thigh - thy*.

GV chỉ ra phần đánh vần hay chính tả của từ vựng có chữ th thường được phát âm là /θ/ và /ð/. “-th” nằm ở đầu từ thường được phát âm là /θ/, ví dụ như *think, thank, theory*, ...ngoại trừ những từ chức năng phát âm là /ð/ như đại từ chỉ định: *this, that, these, those*; Các từ loại của “they”: *they - them - their - theirs - themselves*, một số trạng từ: *then, thus, there, thereby, thereafter*,... và một số liên từ: *though, than*,... Ngoài ra, /θ/ cũng được phát âm trong những từ chứa “-th” là từ ghép mà ở từ gốc “-th” được phát âm là /θ/: *southwest, southeast, bathroom*,...; cũng ở một số tính từ được biến đổi từ một danh từ bằng cách thêm đuôi “-y” vào danh từ đó như *healthy, wealthy, earthy*, ... Tuy nhiên, “-th” nằm ở các giữa từ có các dấu hiệu chính tả sau phần lớn sẽ được phát âm là /ð/. “-th” trong tổ hợp “ther”: *mother, father, whether*,... ; “-th” nằm giữa các nguyên âm: *mother, southern, without*,... “-th” nằm sau “r”: *father, northern, further*,... và “-th” nằm ở cuối các từ với chức năng như một động từ được biến đổi từ một danh từ bằng cách thêm đuôi “-e” vào danh từ đó phần lớn sẽ được phát âm là /ð/, ví dụ như: *breathe (v) - breath (n), bathe (v) - bath (n), teethe (v) - teeth (n), soothe (v) - sooth (n)*.

Sử dụng cặp từ sai biệt cực tiêu để trao đổi hỏi và trả lời. Cặp từ sai biệt cực tiêu là những cặp từ chỉ khác nhau một yếu tố âm vị học, có thể là nguyên âm hoặc phụ âm. Trong hoạt động này, SV thay phiên nhau hỏi và trả lời. Nếu nghe trả lời đúng, thì người hỏi sẽ nói “đúng” và SV sẽ thay đổi vai nhau. Ngược lại, nếu câu trả lời là sai, thì người hỏi sẽ nói “không đúng” và hỏi lại như: *How do you spell ‘teethe?’ – T-E-E-T-H E; Where’s a thigh? – the area between the hip and the knee.*

GV có thể sử dụng nhóm phụ âm TA có âm /θ/ và /ð/. Tiếng Việt cũng khác với TA ở nhóm phụ âm, vì thế người Việt Nam cần làm quen với nhóm phụ âm có âm /θ/ và /ð/. SV cần xác định nhóm phụ âm có âm /θ/ và /ð/ như /θr/, /θj-, /-lθ/, //θs/, /-lfθ/, / ðz/ và /ðd/, sau đó nghe và luyện tập các từ như: *throw, enthusiastic, health, months, twelfth, bathes, breathed, ...*

Sử dụng câu nói líu lười- những câu có những âm tương tự- để giúp SV luyện miệng của họ để phát âm chính xác. Thủ thuật này cùng tăng sự sôi động trong lớp học khi SV thấy bạn học của họ lúng túng phát âm những âm tương tự [4]. Đây cũng là thời điểm GV có thể giúp người học chỉnh sửa lỗi phát âm và chỉ ra sự khác nhau của các cặp âm. Sau đây là một số ví dụ: *Three thin brothers are bathing in the bathroom; The thief thought that the throne was worth thousands of thistles.*

2.5. Sử dụng công nghệ trong giảng dạy và luyện phát âm

Sử dụng công nghệ trong giảng dạy ngữ âm ngày càng phổ biến. Hầu hết GV và SV ứng dụng công nghệ trong giờ học như bài giảng powerpoint, sử dụng những phần mềm AI như Elsa Speak, Hello Talk, Chat GPT, ... để hỗ trợ dạy và học phát âm. SV có thể tra vào ứng dụng từ điển Anh –Việt trên điện thoại. SV có thể biết nghĩa, cách đọc từ qua phần phiên âm đính kèm hay nghe cách phát âm và luyện tập phát âm từ mới ngay trên điện thoại. Ngoài ra, SV tự ghi âm phần luyện đọc âm, hay ghi hình quá trình luyện âm, nghe lại hay tự mình xem lại, xem đoạn video và tập trung lắng nghe phát âm và có thể tự chỉnh sửa hay nhờ bạn học nghe và nhận xét. Nếu người học thực hiện điều này thường xuyên thì khả năng phát âm cũng như khả năng nói sẽ được cải thiện rõ rệt.

2.6. Kiến nghị

Nhà trường cần có những nghiên cứu tác động của cách mạng công nghệ (CMCN) đến lĩnh vực đào tạo nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng, từ

đó tạo sự thay đổi nhận thức cũng như cách tiếp cận phù hợp về phương thức giảng dạy ngoại ngữ. Mô hình giáo dục đại học thời CMCN là mô hình giáo dục thông minh. Vì thế, nhà trường cần đầu tư vào hạ tầng công nghệ tiên tiến, phục vụ cho việc giảng dạy. Hệ thống wifi phải đủ mạnh và bao phủ các phòng học, thiết bị giảng dạy cần được nâng cấp. Nghiên cứu và triển khai một số xu thế ứng dụng công nghệ đang được ứng dụng phổ biến trong nước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu và mục đích của người học, phục vụ hiệu quả hoạt động dạy và học ngoại ngữ nhằm thay đổi phương pháp dạy và học ngoại ngữ.

GV phải không ngừng nghiên cứu, học hỏi để nâng cao trình độ và chủ động ứng dụng các thành tựu của CMCN vào hoạt động giảng dạy ngoại ngữ, trước hết là dạy ngữ âm. GV trong thời đại CMCN là không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, KN giảng dạy mà còn khả năng ứng dụng công nghệ để làm cho bài giảng trở nên sinh động, dễ hiểu và đạt hiệu quả cao hơn.

3. Kết luận

Bài viết này thảo luận những khó khăn mà SV Trường Đại học Bạc Liêu gặp phải trong quá trình tiếp cận ngữ âm TA, đặc biệt là âm xát răng /θ/ và /ð/. Những khó khăn bắt nguồn từ sự ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ vào quá trình học ngoại ngữ, sự thiếu kiến thức về cách tạo âm và thiếu sự luyện tập. Bài viết cũng đề cập những thủ thuật, hoạt động dạy học giúp GV và SV dạy và học ngữ âm hiệu quả hơn, cụ thể là hai âm /θ/ và /ð/. Một khi SV hiểu lý thuyết cơ bản về đặc điểm, cách hình thành âm qua phương pháp giảng dạy của GV, có ý thức tự luyện tập phát âm thông qua những hoạt động giảng dạy âm /θ/ và /ð/ như luyện phát âm xát răng riêng biệt, cụm từ, câu có âm /θ/ và /ð/, Chắc chắn rằng SV sẽ cải thiện khả năng phát âm. Từ đó SV có thể giao tiếp một cách tự nhiên và hiệu quả hơn, điều này sẽ hỗ trợ rất lớn cho KN nghe nói TA của SV, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Avery, P. & Ehrlich, S. (1995). *Teaching American English Pronunciation*. Oxford, Oxford University Press.
- [2]. Ladefoged, P., & Maddieson, I. (1996). *The sounds of the world's languages*. Oxford, UK.
- [3] O'Connor, J. D. (1973). *Phonetics*. Penguin, the University of Michigan.
- [4] Roach, P. (1991) *English Phonetics and Phonology- A Practical Course*. Cambridge, Cambridge University Press.